

Bản án số: **12/2020/HSPT**

Ngày: 30 - 11 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Tiến**

Các thẩm phán: Ông **Phạm Tồn**

Bà **Lê Thúy Cầu**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Phạm Minh Hoàng**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đặng Thọ Định** - Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 11 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 27/2020/TLPT-HS ngày 09 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo **Huỳnh Ngọc D** về tội “*Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép*”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29-8-2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo kháng cáo:

HUỲNH NGỌC D, sinh ngày 10 tháng 8 năm 1979 tại Đà Nẵng; Nơi ĐKNKTT: quận N, thành phố Đà Nẵng; Tạm trú: quận N, thành phố Đà Nẵng; Nghề nghiệp: Giáo viên; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Số CMND: 201439740 cấp ngày 28/8/2018 tại Công an TP Đà Nẵng; Con ông Huỳnh H (sinh năm 1957) và bà Huỳnh Thị Ngọc H (sinh năm 1957); Có chồng là Nguyễn Thành T (sinh năm 1978) và có 02 con: con lớn sinh năm 2006, con nhỏ sinh năm 2016; Gia đình có 4 chị em, bị cáo là con đầu;

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 21/7/2020. Có mặt tại phiên tòa.

*** Người bào chữa cho bị cáo Huỳnh Ngọc D:** Luật sư Bùi Xuân N – Luật sư Công ty TNHH MTV A thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng bào chữa cho bị cáo theo yêu cầu của bị cáo. Có mặt.

Ngoài ra trong vụ án còn có các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 11/7/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp với Phòng An ninh Nội bộ và Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an thành phố Đà Nẵng tiến hành kiểm tra hành chính tại nhà số 39 D, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng phát hiện trong nhà có 04 người Quốc tịch Trung Quốc có tên: C; W; S và W không có hộ chiếu, thị thực, đồng thời Cục quản lý xuất nhập Cảnh Bộ Công an có thông báo từ trước đến nay các đối tượng trên chưa có tên trong hệ thống theo dõi xuất, nhập cảnh vào Việt Nam.

Qua điều tra xác định:

Ngày 23/6/2020, C đang ở Trung Quốc liên hệ qua mạng Wechat với Hồ Thị Thu T đang ở tại Đà Nẵng, Việt Nam hỏi thuê giúp cho C một căn nhà có 03 phòng ngủ để ở. Qua nói chuyện với C, T biết được C không có thị thực để nhập cảnh vào Việt Nam, nhưng T vẫn đồng ý tìm nhà cho C thuê. Ngày 25/6/2020, T liên hệ với Huỳnh Ngọc D để tìm nhà, qua nhắn tin với nhau thì D cũng biết được nhóm người Trung Quốc này không có thị thực nhập cảnh vào Việt Nam, nhưng D vẫn đồng ý tìm và cho thuê nhà. Sau đó D gọi điện cho chủ nhà số 39 D, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng là ông Kiều Đình T (*lúc này đang đi du lịch tại Quảng Ninh*) để hỏi thuê nhà. Ông T đồng ý cho thuê nhà 03 tháng với giá 19.000.000 đồng/tháng. Do vợ chồng ông T đi Quảng Ninh đến ngày 13/7/2020 mới về nên đã chỉ vị trí để chìa khóa nhà cho D (*ở chậu cây trước nhà*), khi nào ông T về sẽ ký hợp đồng thuê nhà sau. D giới thiệu nhà số 39 D với T để cho C thuê. T và D thỏa thuận với nhau sẽ nâng giá thuê nhà với C lên 23.000.000 đồng/01 tháng, số tiền chênh lệch 4.000.000 đồng/tháng T và D chia nhau.

Về phía C, sau khi nhờ T tìm được nhà ở Việt Nam, ngày 28/6/2019, tại Nam Ninh, Quảng Tây, Trung Quốc, C rủ W, S và W nhập cảnh trái phép vào Việt Nam với mục đích làm công việc chạy quảng cáo bán hàng giúp cho C trên Wechat, QQ.....; C hẹn gặp ở bến xe Quảng Tây để đi. C có nói với S, B và W là có quen biết với người phiên dịch ở Việt Nam, người này đã thuê nhà cho mọi người và đến biên giới có người đón sẵn dẫn qua. Khoảng 15 giờ cùng ngày C, S, B và W đón xe từ Quảng Tây đi đến vùng biên giới (*gần cửa khẩu Hữu Nghị*), lúc này khoảng 20 giờ cùng ngày, tất cả xuống xe và đi bộ theo đường đất một đoạn

thì ra đường Quốc lộ, ở đây đã có sẵn xe ô tô 7 chỗ của lái xe người Việt Nam đón chở về đến Đà Nẵng. Chi phí trả cho chuyến đi này S, B và W mỗi người đưa cho C là 4000 Nhân dân tệ.

Đến sáng ngày 29/6/2020, T nhắn tin qua Wechat với C hỏi tới đâu rồi, C nói còn khoảng 02 đến 03 giờ nữa thì đến chỗ T. Đến 18 giờ 37 phút cùng ngày, T tiếp tục nhắn tin với C và được biết C đang ở quận L, thành phố Đà Nẵng. Khi C đến quán trà sữa GongCha tại số quận S, thành phố Đà Nẵng thì C báo cho T biết và T gọi Taxi Mai Linh đến đón C, S, B và W về nhà số 39 D. T gửi hình ảnh ngôi nhà và chỉ chỗ để chìa khóa nhà cho C biết. Khi đến nơi C lấy chìa khóa mở cửa vào nhà.

Đến 20 giờ ngày 30/6/2020, C và S nhờ T dẫn đến phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng để gặp Nguyễn Thị Hồng V nhận 01 vali màu xanh đen cùng một số túi xách, bên trong có 14 máy tính laptop, 31 điện thoại di động và các thiết bị phụ trợ đem về địa chỉ số 39 D. Chiếc vali màu xanh đen và một số túi xách này V khai là có quen một người bạn Trung Quốc (*không xác định được là ai*) trên Wechat, người này nhờ V chuyển giúp một số đồ dùng cá nhân cho những người bạn của mình, đến khoảng 18 giờ ngày 30/6/2020 có một người Việt Nam (*không xác định được là ai*) chạy xe máy đến nhà V giao cho V và V đã giao lại cho C.

Quá trình lưu trú tại đây, C, S, B và W được T và D mua hộ các vật dụng cá nhân và thực phẩm để sinh hoạt hàng ngày, cho đến ngày 11/7/2020 thì bị lực lượng chức năng phát hiện vì nhập cảnh và lưu trú bất hợp pháp.

Ngoài lần thực hiện hành vi nêu trên, quá trình điều tra còn xác định:

Vào cuối năm 2018, Huỳnh Ngọc D quen biết với Hồ Thị Thu T, lúc này là sinh viên khoa tiếng Trung trường Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng. D nhờ T dạy tiếng Trung cho D và con của D tại nhà. Trong thời gian này D có đưa cho T hình ảnh những căn nhà cần cho thuê để T đăng tải trên các trang mạng để cho khách nước ngoài thuê, nhận tiền hoa hồng, và T đã sử dụng ứng dụng Wechat (*tài khoản Wechat của T là Thu T Bilizin0787599888*) đăng tải các bài về cho thuê nhà. Sau đó T bật chế độ tìm bạn đang cùng sử dụng Wechat với nhau, thì khoảng thời gian tháng 8/2019 C đã tìm ra kết nối được với T và hai người kết bạn với nhau.

Trong khoảng thời gian từ tháng 8/2019 và tháng 12/2019 trước khi nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, C đã nhiều lần nhắn tin qua Wechat liên hệ với Hồ Thị Thu T để tìm thuê nhà trước, T liên hệ với Huỳnh Ngọc D để cho thuê nhà. Sau khi T thông báo lại cho C biết là đã có nhà cho thuê, thì C liên hệ với đường dây của người Trung Quốc và Việt Nam đưa C và cùng với một số đối tượng người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam qua đường bộ tại các tỉnh biên giới phía bắc và đến ở tại các căn nhà mà T và D đã sắp xếp trước, cụ thể:

- **Lần thứ nhất:** Sau khi làm quen với T trên Wechat và hỏi T về việc có nhà cho thuê ở Đà Nẵng. Vào tháng 8/2019, C từ Trung Quốc cùng với một người Trung Quốc (C khai tên là A) liên hệ với đường dây đưa người từ Trung Quốc sang Việt Nam đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Khi đến Đà Nẵng, C nhắn tin với T qua ứng dụng Wechat hỏi thuê một căn nhà có 03 phòng ngủ. T thông qua D thuê nhà số 84 T, phường K, quận N, Tp Đà Nẵng (đây là nhà D đã thuê dài hạn 1 năm của chị Nguyễn Thị Mai Trang với mục đích để cho người nước ngoài thuê lại). Sau khi tìm được nhà, T thông báo cho C. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày thì C cùng A đến xem nhà và đồng ý thuê trong thời gian 03 tháng với giá thuê là 23.000.000đồng/tháng. (khi thuê 3 tháng thì phải đặt cọc thêm 1 tháng). Khi thuê nhà để ở thì C và A không có bất cứ giấy tờ gì hợp pháp, đồng thời T, D cũng không cần C phải xuất trình giấy tờ tùy thân và cũng không báo với chính quyền địa phương. Sau khi vào ở được vài ngày thì có thêm 2 người Trung Quốc (không rõ lai lịch, C khai tên là Y và W) cùng đến ở.

Số tiền thuê nhà C đã đưa cho T 92.000.000 đồng, T nhận tiền hoa hồng là 5.750.000 đồng, còn lại 86.250.000 đồng T đưa cho D. Trong thời gian này, C nhắn tin qua Wechat với T hỏi thuê xe máy, thì T nhắn tin lại cho D và D có nhờ em rể của D đem chiếc xe màu đỏ đến để trước nhà số 84 T rồi về. Tháng 11/2019, C trả nhà về lại Trung Quốc và D tới để thanh toán các chi phí. D kê khai và báo cho C biết các chi phí như tiền thuê xe, tiền điện, tiền nước, tiền rác, tiền dọn vệ sinh; tổng cộng khoảng 6.000.000 đồng. Sau đó D trừ số tiền này vào tiền cọc rồi trả lại cho C số tiền khoảng 17.000.000 đồng.

- **Lần thứ hai:** Đầu tháng 12/2019, lúc này C đang ở Trung Quốc tiếp tục nhắn tin qua Wechat với T để thuê nhà 03 tháng cho C và 01 người Trung Quốc (ở cùng C trong lần thứ nhất). T thông qua D giới thiệu nhà số 84 T với giá thuê nhà như trước đây. Vào ngày 11/12/2020, C từ Trung Quốc cùng với A liên hệ với đường dây đưa người từ Trung Quốc sang Việt Nam đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam, sau đó C và A đến gặp T và T mở cửa nhà số 84 T cho C vào ở. Cũng như lần thứ nhất, khi thuê nhà để ở thì C và A không có bất cứ giấy tờ gì hợp pháp, đồng thời T, D cũng không cần C phải xuất trình giấy tờ tùy thân và cũng không báo với chính quyền địa phương.

Số tiền thuê nhà C đã đưa cho T 92.000.000đồng, T nhận tiền hoa hồng là 5.750.000đồng, còn lại 86.250.000 đồng T đưa cho D. Mặc dù C dự kiến thuê nhà trong 03 tháng, tuy nhiên do vào cuối năm 2019, lực lượng chức năng kiểm tra lưu trú ráo riết nên đến ngày 20/12/2019 thì C và A trả nhà về nước. Trước khi về nước, C đưa chìa khóa nhà cho T và nhờ T cất giữ hộ 01 valy màu hồng, 02 túi xách laptop, 01 túi đựng áo quần màu đen trên có chữ FPT và nhờ T giữ hộ số tiền 7.000 Nhân dân tệ tiền đặt cọc nhà. Đến ngày 19/3/2020, D thông báo với T là nhà số 84 T chưa có tiền thuê xe, tiền dọn vệ sinh, tiền điện nước 02 tháng (tháng 01 và

tháng 02/2020), D thống kê các chi phí này và trừ vào tiền cọc thuê nhà của C. Sau đó, D trả cho T số tiền cọc còn lại là 19.800.000 đồng. Số tiền này T giữ hộ cho C và được tính vào tiền thuê nhà số 39 D.

*** Vật chứng thu giữ:**

- *Kiểm tra hành chính tại nhà 39 D thu giữ:*

+ 14 máy vi tính xách tay, 29 điện thoại di động Smartphone, 2 điện thoại di động Nokia bàn phím cơ, 01 thùng carton đựng các phụ kiện điện tử của C;

+ 03 điện thoại di động Iphone, 01 điện thoại Oppo, 04 chứng minh nhân dân của C, W, S và W;

+ 02 điện thoại di động Smartphone của Hồ Thị Thu T;

+ 01 điện thoại di động Smartphone của Huỳnh Ngọc D.

- *Khám xét khẩn cấp nơi ở của Hồ Thị Thu T tại số 08 Đa Mạn thu giữ:*

+ 31 máy vi tính xách tay, 131 điện thoại di động, 02 USB;

+ 02 hộ chiếu Trung Quốc mang tên H, L;

+ 01 va ly màu hồng bên trong có 06 laptop, 23 điện thoại di động, 06 USB, 05 thiết bị phát Wifi, 06 thẻ có hình dáng giống thẻ ngân hàng có tiếng Trung Quốc và 01 túi xách có chữ FPT đựng quần áo và các giấy tờ, sổ sách có liên quan do C gửi;

+ Các giấy tờ, sổ sách của Hồ Thị Thu T.

- *Khám xét khẩn cấp nơi ở của Huỳnh Ngọc D tại số 172 Nghiêm Xuân Yêm thu giữ 02 máy vi tính xách tay và các giấy tờ, sổ sách.*

Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra lệnh phong tỏa các tài khoản tại các ngân hàng của Hồ Thị Thu T với tổng số tiền bị phong tỏa là 919.217.105 đồng và Huỳnh Ngọc D là 64.814.479 đồng.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố Huỳnh Ngọc D phạm tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”;

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

Xử phạt: Bị cáo **Huỳnh Ngọc D 5 (năm)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giam, ngày 21/7/2020.

Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 348 BLHS, tuyên phạt tiền đối với bị cáo **40.000.000đ**.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 04/9/2020, bị cáo Huỳnh Ngọc D có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo 5 năm tù là

quá nặng so với hành vi phạm tội của bị cáo, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa: Bị cáo Huỳnh Ngọc D vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo; Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên hình phạt 5 năm tù đối với bị cáo; Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Sau khi nghe: Bị cáo trình bày nội dung kháng cáo; quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án; ý kiến của Luật sư bào chữa cho bị cáo và tranh luận tại phiên tòa. Sau khi thảo luận và nghị án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, lời khai nhận của bị cáo, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử phúc thẩm có căn cứ để kết luận: Trong thời gian từ tháng 8/2019 đến tháng 6/2020, C, Hồ Thị Thu T và Huỳnh Ngọc D đã bàn bạc thống nhất 03 lần tổ chức móc nối với nhau trong việc tìm, thuê nhà ở Đà Nẵng với mục đích đưa người Trung Quốc đến ở trái phép. Sau khi T và D tìm được nhà, C liên lạc với các đường dây đưa người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam và C đã tổ chức nhiều lần, đưa nhiều người nhập cảnh trái phép vào Việt Nam đến ở tại nhà 84 T và 39 D đều thuộc phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Ngoài việc cho thuê chỗ ở thì T và D còn tích cực hỗ trợ nhóm người Trung Quốc đã nhập cảnh trái phép vào Việt Nam trong việc tìm phương tiện di chuyển, cất giữ tài sản, phương tiện hoạt động và tạo các điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt tại Đà Nẵng. Bị cáo Huỳnh Ngọc D đã thu lợi từ việc cho thuê nhà và các dịch vụ khác với tổng số tiền là 52.375.000 đồng. Với hành vi và hậu quả như trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tuyên bố bị cáo Huỳnh Ngọc D (cùng 02 bị cáo khác) phạm tội: “Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[2]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Huỳnh Ngọc D thì thấy: Huỳnh Ngọc D biết rõ C và nhóm người của C đưa sang Việt Nam không có thị thực, hộ chiếu nhập cảnh vào Việt Nam nhưng bị cáo vẫn đồng ý tìm nơi thuê nhà, bố trí nơi ở cho C và nhóm người này mà không cần họ xuất trình giấy tờ tùy thân và cũng không khai báo với chính quyền địa phương, hơn nữa còn tích cực hỗ trợ nhóm người Trung Quốc nhập cảnh trái phép trong việc tìm phương tiện di

chuyên, cất giữ tài sản, phương tiện hoạt động và tạo các điều kiện thuận lợi trong sinh hoạt hàng ngày tại Đà Nẵng, Việt Nam. Việc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam của C sẽ không thể diễn ra trót lọt nếu không có sự tiếp tay của bị cáo.

Bản án sơ thẩm nhận định: “ *Hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong lĩnh vực nhập cảnh Việt Nam. Cụ thể là Luật xuất cảnh, nhập cảnh số 49/2019/QH 14 ngày 22/11/2019 và Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH 13 ngày 16/06/2014 của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Không những vậy, hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng, tác động xấu đến vấn đề an ninh quốc gia, an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội; Hành vi của các bị cáo khiến cho dư luận của cả nước nói chung, của thành phố Đà Nẵng nói riêng hết sức bất bình, lên án* ”. Nhận định được trích dẫn ở trên là có căn cứ, đúng pháp luật và thực tế trong bối cảnh các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi phạm tội của bị cáo bị truy tố và xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 348 Bộ luật hình sự năm 2015, có khung hình phạt tù từ 05 năm đến 10 năm. Khi quyết định hình phạt đối với bị cáo, Bản án sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo và áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để xử phạt bị cáo Huỳnh Ngọc D 05 năm tù là mức án khởi điểm đầu khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử là đúng với tính chất, mức độ phạm tội và nhân thân của bị cáo. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng không có tình tiết giảm nhẹ nào mới được quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để được xem xét giảm nhẹ hình phạt dưới khung của tội mà bị cáo bị truy tố và xét xử, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, cũng như quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo; Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đối với bị cáo Huỳnh Ngọc D.

[3]. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo Huỳnh Ngọc D phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Từ những nhận định trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Huỳnh Ngọc D. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Áp dụng: Điểm b khoản 2 Điều 348; Điều 17; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt bị cáo **Huỳnh Ngọc D** 05 (năm) năm tù về tội: “ Tổ chức cho người khác nhập cảnh Việt Nam trái phép ”. Thời gian chấp hành hình phạt của bị cáo tính từ ngày 21/7/2020.

2. Án phí phúc thẩm:

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo **Huỳnh Ngọc D** phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định của Bản án sơ thẩm đối với các bị cáo: **C, Hồ Thị Thu T** và các Quyết định về: Xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; án phí sơ thẩm không có kháng cáo và không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị và được thi hành theo quyết định tại Bản án hình sự sơ thẩm số 32/2020/HS-ST ngày 29/8/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I, TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Phòng HSNV - Công an thành phố Đà Nẵng;
- Cơ quan CSTHAHS - CA thành phố Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp thành phố Đà Nẵng;
- Cục THADS thành phố Đà Nẵng;
- Trại tạm giam CA thành phố Đà Nẵng;
- Bị cáo; Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Văn Tiến